



DÂY ĐIỀU KHIỂN CONTROL CABLES





Mục lục/Content

Cáp điều khiển không lưới -VCT:	1
Cáp tín hiệu chống nhiễu- VCT/OS:.....	2
Cáp tín hiệu có lưới-VCT/SB:.....	3
Cáp tín hiệu có lưới đồng chống nhiễu-VCT/OS/SB:.....	4
Cáp tín hiệu chậm cháy-VCT/FPR:.....	5
Cáp tín hiệu chống nhiễu chậm cháy-VCT/OS/FPR :.....	6
Cáp tín hiệu chống cháy-VCT/FR:.....	7
Cáp tín hiệu chống nhiễu chống cháy-VCT/OS/FR:.....	8
Thông số kỹ thuật/ Specification:.....	9



CÁP TÍN HIỆU CHỐNG CHÁY - VCT/FR UNSHIELD FIRE RESISTANT CONTROL CABLES



Tiêu chuẩn áp dụng/ Standard : TCVN 6612: 2007 (IEC 60228:2004), IEC 60331, BS 6387

Cấu tạo/ Construction

Ruột dẫn: Đồng ủ mềm, class 5	Conductor: Plain annealed copper, class 5
Cách điện : PVC /XLPE /FR-PVC /LSZH (theo yêu cầu của khách hàng)	Insulation : PVC /XLPE /FR-PVC /LSZH (as request)
Màn chống cháy : Lớp mica chống cháy	Fire barrier : Mica Tape
Vỏ bọc : FR-PVC/ LSZH (theo yêu cầu)	Jacket : FR-PVC/ LSZH (Theo yêu cầu)
Nhận biết dây: Là dây điều khiển mềm nhiều lõi từ 2 lõi đến 30 lõi. ♦ Màu sắc của lõi : • Dưới 6 lõi : Màu đỏ, đen, vàng, xanh dương, trắng, xanh lá, vàng sọc xanh • Trên 6 lõi: Màu đen hoặc trắng, đánh số thứ tự theo từng lõi theo yêu cầu. ♦ Màu sắc vỏ bọc : Màu cam (theo yêu cầu)	Identification : Multi cores flexible cables from 2 to 30 cores ♦ Color conductor • Under 6 cores : Red, black, yellow, blue, green, white or yellow green as request • Over 6 cores: Black or white, numbered in core (As request) ♦ Color sheathed: Orange (As request)
♦ Nhiệt độ ruột dẫn tối đa: 70°C	♦ Operating Temperature: Max 70°C
♦ Điện áp danh định : 450/750 V	♦ Rated Voltage : 450/750V

Ứng dụng/ Applications

♦ Được sử dụng trong thi công, lắp đặt các thiết bị điện tử để truyền tải tín hiệu đo lường và tín hiệu điều khiển.	♦ Internal wiring of electronic equipment, transmission measurement and control signals with minimum noise.
♦ Dùng cho việc truyền tải dữ liệu trong hệ thống tự động hoá, hệ thống điều khiển điện tử và máy tính.	♦ Used for data communication purpose in automation systems, computer networks and electronic control systems
♦ Sử dụng trong hệ thống báo cháy	♦ Optimized for fire alarm systems

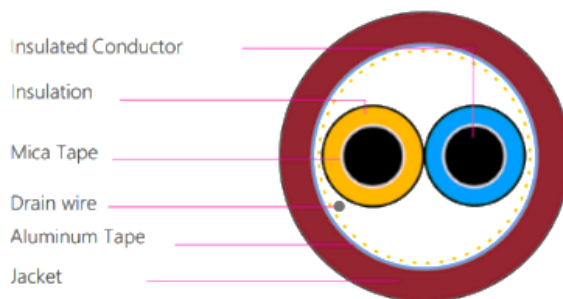
Tên sản phẩm/ Product Name

❖ **Tên sản phẩm :** ví dụ cho tiết diện 2x0.5 mm² là **VCT 2C x 0.5 mm²**/. Trong đó, **VCT** : ký hiệu tên gọi, **xxC**: số lõi và **yy** mm² là tiết diện của lõi
❖ **Product name :** Example for nominal conductor area 2x0.5 mm² is **VCT 2Cx0.5 mm²**. VCT is sign for control cables- unshield, **xxC** denotes number of cores and **yy** mm² denotes for nominal conductor area

7♦

Giá trị tham khảo : Giá trị đường kính, trọng lượng ước tính,..., là giá trị tham khảo cho việc vận chuyển, thiết kế,..., không phải là tiêu chí đánh giá chất lượng của sản phẩm. / **Reference value :** Value of diameter, weight approx,... is reference value use for packing, design, deliver,..., not for standart to value quality of product
Ngoài ra, GL Cables cũng sản xuất những loại cáp khác có kết cấu và theo tiêu chuẩn yêu cầu của khách hàng/ Also, GL Cables company can manufacture according to standard and structure as your request

CÁP TÍN HIỆU CHỐNG NHIỆU CHỐNG CHÁY - VCT/OS/FR SHIELDED FIRE RESISTANT CONTROL CABLES



Tiêu chuẩn áp dụng/ Standard : TCVN 6612: 2007 (IEC 60228:2004), IEC 60331, BS 6387

Cấu tạo/ Construction

Ruột dẫn: Đồng ủ mềm, class 5	Conductor: Plain annealed copper, class 5
Cách điện : PVC /XLPE/ FR-PVC/ LSZH (theo yêu cầu của khách hàng)	Insulation : PVC /XLPE /FR-PVC /LSZH (as request)
Màn chống cháy: Mica	Fire barrier : mica tape
Màn chắn : mylar nhôm chống nhiệt	Shield: Aluminum mylar tape
Vỏ bọc : FR-PVC /LSZH (theo yêu cầu khách hàng)	Jacket : FR-PVC /LSZH (as request)
Dây tiếp mát: Đồng mạ thiếc	Drain wire: Tinned copper
Nhận biết dây: các lõi được xoắn thành cặp ,chống nhiễu bằng lớp mylar nhôm và dây tiếp mát	Identification : Conductor is twisted multipairs then twisted together, shielded with aluminum mylar tape and drain wire
♦ Màu sắc vỏ bọc : Màu cam (theo yêu cầu)	♦ Color sheathed: Orange (as request)
♦ Nhiệt độ ruột dẫn tối đa: 70°C	♦ Operating Temperature: Max 70°C
♦ Điện áp danh định : 450/750 V	♦ Rated Voltage : 450/750V

Ứng dụng/ Applications

♦ Được sử dụng trong thi công, lắp đặt các thiết bị điện tử để truyền tải tín hiệu đo lường và tín hiệu điều khiển.	♦ Internal wiring of electronic equipment, transmission measurement and control signals with minimum noise.
♦ Dùng cho việc truyền tải dữ liệu trong hệ thống tự động hoá, hệ thống điều khiển điện tử và máy tính.	♦ Used for data communication purpose in automation systems, computer networks and electronic control systems
♦ Sử dụng trong hệ thống báo cháy	♦ Optimized for fire alarm systems

Tên sản phẩm/ Product Name

❖ **Tên sản phẩm:** ví dụ cho tiết diện $2 \times 0.5 \text{ mm}^2$ là **VCT/OS/FR 1P x 0.5 mm²**. Trong đó, **VCT/OS/FR** : ký hiệu tên gọi, **xxC**: số lõi và **yy** mm² là tiết diện của lõi

❖ **Product name:** Example for nominal conductor area $2 \times 0.5 \text{ mm}^2$ is **VCT/OS/FR 1P x 0.5 mm²**. **VCT/OS/FR** is sign for type name, **xxC** denotes number of cores and **yy** mm² denotes for nominal conductor area.

8♦

Giá trị tham khảo : Giá trị đường kính, trọng lượng ước tính,..., là giá trị tham khảo cho việc vận chuyển, thiết kế,..., không phải là tiêu chí đánh giá chất lượng của sản phẩm. / **Reference value :** Value of diameter, weight approx,... is reference value use for packing, design, deliver,...,not for standart to value quality of product

Ngoài ra, GL Cables cũng sản xuất những loại cáp khác có kết cấu và theo tiêu chuẩn yêu cầu của khách hàng/ Also, GL Cables company can manufacture according to standard and structure as your request



THÔNG SỐ KỸ THUẬT CHI TIẾT SPECIFICATIONS

Loại Type	Số lõi No of core	Ruột dẫn			Chiều dày cách điện	Chiều dày vỏ bọc danh định	Đường kính ngoài gần đúng	Điện trở DC tối đa của ruột dẫn ở 20oC	Khối lượng dây (Gần đúng)_
		Tiết diện danh định	Kết Cấu (*)	Đường kính ruột gần đúng					
		Nominal conductor area	Structure (*)	Approx diameter of conductor	Nominal thickness of insulation	Nominal thickness of outer sheath	Overall diameter (approx)	Max. DC resistance of conductor at 20oC	Weight (approx)
		mm ²	No/mm	mm	mm	mm	mm	d/km	kg/km
VCT	2 cores	0.5	16/0.20	0.92	0.7	1	6.7	39	44
		0.75	24/0.20	1.03	0.7	1	7	26	54
		1.0	32/0.20	1.31	0.7	1	7.5	19.5	64
		1.25	40/0.20	1.31	0.7	1	7.5	15.6	64
		1.5	30/0.25	1.58	0.8	1	8.4	13.3	92
VCT/OS	2 cores	0.5	16/0.20	0.92	0.7	1	6.7	39	44
		0.75	24/0.20	1.03	0.7	1	7	26	54
		1.0	32/0.20	1.31	0.7	1	7.5	19.5	64
		1.25	40/0.20	1.31	0.7	1	7.5	15.6	64
		1.5	30/0.25	1.58	0.8	1	8.4	13.3	92
VCT/SB	2 cores	0.5	16/0.20	0.92	0.7	1	6.7	39	62
		0.75	24/0.20	1.03	0.7	1	7	26	72
		1.0	32/0.20	1.31	0.7	1	7.5	19.5	88
		1.25	40/0.20	1.31	0.7	1	7.5	15.6	92
		1.5	30/0.25	1.58	0.8	1	8.4	13.3	98
VCT/OS/SB	1 Pair	0.5	16/0.20	0.92	0.7	1	6.7	39	62
		0.75	24/0.20	1.03	0.7	1	7	26	72
		1.0	32/0.20	1.31	0.7	1	7.5	19.5	88
		1.25	40/0.20	1.31	0.7	1	7.5	15.6	92
		1.5	30/0.25	1.58	0.8	1	8.4	13.3	98
VCT/FPR	2 core	0.5	16/0.20	0.92	0.7	1	6.7	39	44
		0.75	24/0.20	1.03	0.7	1	7	26	54
		1.0	32/0.20	1.31	0.7	1	7.5	19.5	64
		1.25	40/0.20	1.31	0.7	1	7.5	15.6	64
		1.5	30/0.25	1.58	0.8	1	8.4	13.3	92
VCT/OS/FPR	1 Pair	0.5	16/0.20	0.92	0.7	1	6.7	39	44
		0.75	24/0.20	1.03	0.7	1	7	26	54
		1.0	32/0.20	1.31	0.7	1	7.5	19.5	64
		1.25	40/0.20	1.31	0.7	1	7.5	15.6	64
		1.5	30/0.25	1.58	0.8	1	8.4	13.3	92
VCT/FR	2 core	0.5	16/0.20	0.92	0.7	1	6.7	39	44
		0.75	24/0.20	1.03	0.7	1	7	26	54
		1.0	32/0.20	1.31	0.7	1	7.5	19.5	64
		1.25	40/0.20	1.31	0.7	1	7.5	15.6	64
		1.5	30/0.25	1.58	0.8	1	8.4	13.3	92
VCT/OS/FR	1 Pair	0.5	16/0.20	0.92	0.7	1	6.7	39	44
		0.75	24/0.20	1.03	0.7	1	7	26	54
		1.0	32/0.20	1.31	0.7	1	7.5	19.5	64
		1.25	40/0.20	1.31	0.7	1	7.5	15.6	64
		1.5	30/0.25	1.58	0.8	1	8.4	13.3	92

Ghi chú/Remark : P:Pair; 1P= 2 cores is twisted.



Giá trị tham khảo : Giá trị đường kính, trọng lượng ước tính,..., là giá trị tham khảo cho việc vận chuyển, thiết kế,..., không phải là tiêu chí đánh giá chất lượng của sản phẩm. / **Reference value :** Value of diameter, weight approx,... is reference value use for packing, design, deliver,...,not for standart to value quality of product

Ngoài ra, GL Cables cũng sản xuất những loại cáp khác có kết cấu và theo tiêu chuẩn yêu cầu của khách hàng/ Also, GL Cables company can manufacture according to standard and structure as your request





